

PHỤ LỤC 2

Phụ lục 2: BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA KHẢO SÁT LẦN 1 – SINH HỌC 11 – NĂM HỌC 2025-2026.

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ											
				Nhiều lựa chọn				“Đúng - Sai”				Trả lời ngắn			
				Biết	Hiểu	Vận dụng	VDC	Biết	Hiểu	Vận dụng	VDC	Biết	Hiểu	Vận dụng	VDC
1		<p>Khái quát trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong sinh giới</p> <p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được các dấu hiệu đặc trưng của trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. Nêu được các phương thức trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng (tự dưỡng và dị dưỡng). Lấy được ví dụ minh họa. Nêu được khái niệm tự dưỡng và dị dưỡng. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phân tích được vai trò của trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng đối với sinh vật. Dựa vào sơ đồ chuyển hoá năng lượng trong sinh giới, mô tả được tóm tắt ba giai đoạn chuyển hoá năng lượng (tổng hợp, phân giải và huy động năng lượng). Trình bày được mối quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở cấp tế bào và cơ thể. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phân tích được vai trò của sinh vật tự dưỡng trong sinh giới. 	1												
	-Trao đổi nước và khoáng ở thực vật	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được sự vận chuyển các chất trong cây theo hai dòng: dòng mạch gỗ và dòng mạch rây. 	1					2	1	1	1				
				NT1				NT2-5 hoặc	NT6-8 hoặc	NT6-8 hoặc	NT1				

	<p>- Thực hành: Trao đổi nước và khoáng ở thực vật</p> <p>Chương I: Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật</p>	<p>- Trình bày được vai trò của quá trình thoát hơi nước và nêu được cơ chế đóng mở của khí khổng.</p> <p>- Nêu được khái niệm dinh dưỡng ở thực vật và vai trò sinh lí của một số nguyên tố khoáng đa lượng và vi lượng đối với thực vật. Quan sát và nhận biết được một số biểu hiện của cây do thiếu khoáng.</p> <p>- Nêu được nguồn cung cấp nitrogen cho cây.</p> <p>- Nêu được khái niệm dinh dưỡng ở thực vật và vai trò sinh lí của một số nguyên tố khoáng đa lượng và vi lượng đối với thực vật. Quan sát và nhận biết được một số biểu hiện của cây do thiếu khoáng.</p> <p>Hiểu:</p> <p>- Trình bày được vai trò của nước đối với thực vật và mô tả được ba giai đoạn của quá trình trao đổi nước trong cây gồm: hấp thụ nước ở rễ, vận chuyển nước ở thân và thoát hơi nước ở lá.</p> <p>- Trình bày được cơ chế hấp thụ nước và khoáng ở tế bào lông hút của rễ.</p> <p>- Trình bày được quá trình hấp thụ và biến đổi nitrate và ammonium ở thực vật.</p> <p>- Phân tích được một số nhân tố ảnh hưởng đến trao đổi nước và quá trình dinh dưỡng khoáng ở thực vật.</p> <p>- Giải thích được sự cân bằng nước và tưới tiêu hợp lí, phân tích được vai trò của phân bón đối với năng suất cây trồng</p> <p>- Trình bày được vai trò của quá trình thoát hơi nước và nêu được cơ chế đóng mở của khí khổng.</p> <p>- Trình bày được quá trình hấp thụ và biến đổi nitrate và ammonium ở thực vật.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Phân tích được một số nhân tố ảnh hưởng đến trao</p>						TH1- 3	TH4- 5 hoặc VD1, 2	TH4- 5 hoặc VD1, 2				
--	--	---	--	--	--	--	--	-----------	--------------------------------	--------------------------------	--	--	--	--

		<p>đổi nước và quá trình dinh dưỡng khoáng ở thực vật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các thí nghiệm chứng minh sự hút nước ở rễ; vận chuyển nước ở thân và thoát hơi nước ở lá. - Thực hiện được các bước trồng cây thủy canh, khí canh - Thực hành quan sát được cấu tạo tế bào khí khổng ở lá. 												
	<p>- Quang hợp ở thực vật; - Thực hành: Quang hợp ở thực vật</p>	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được khái niệm quang hợp ở thực vật. Viết được phương trình quang hợp. Nêu được vai trò của quang hợp ở thực vật. - Trình bày được vai trò của sắc tố trong việc hấp thụ năng lượng ánh sáng. Nêu được các sản phẩm của quá trình biến đổi năng lượng ánh sáng thành năng lượng hoá học (ATP và NADPH). - Nêu được các con đường đồng hóa carbon trong quang hợp. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò của sản phẩm quang hợp trong tổng hợp chất hữu cơ (chủ yếu là tinh bột) đối với cây và đối với sinh giới. - Phân tích được ảnh hưởng của các điều kiện bên ngoài đến quang hợp. - Phân tích được mối quan hệ giữa quang hợp và năng suất cây trồng. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh được sự thích nghi của thực vật C₄ và CAM trong điều kiện môi trường bất lợi. - Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được một số biện pháp kỹ thuật và công nghệ nâng cao năng suất cây trồng. 	<p>3 NT 1</p>			<p>1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2</p>				<p>1 NT1</p>				

		<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát được lục lạp trong tế bào thực vật - Nhận biết, tách chiết các sắc tố (chlorophyll a, b; carotene và xanthophyll) trong lá cây. - Thiết kế và thực hiện được các thí nghiệm về sự hình thành tinh bột; thải oxygene trong quá trình quang hợp 												
	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp ở thực vật - Thực hành: Hô hấp ở thực vật 	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm hô hấp ở thực vật. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được vai trò của hô hấp ở thực vật. - Trình bày được sơ đồ các giai đoạn của hô hấp ở thực vật. <p>Vận dụng và vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được ảnh hưởng của các điều kiện môi trường đến hô hấp ở thực vật. - Vận dụng được những hiểu biết về hô hấp giải thích các vấn đề thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt và nông sản, cây ngập úng sẽ chết,...). - Phân tích được mối quan hệ giữa quang hợp và hô hấp. - Thực hành được thí nghiệm hô hấp ở thực vật. 		1 NT2- 5 hoặc TH1- 3		1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2							1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2	
	<ul style="list-style-type: none"> - Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật 	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được quá trình dinh dưỡng bao gồm: lấy thức ăn, tiêu hoá, hấp thụ và đồng hoá chất dinh dưỡng. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh), trình bày được các hình thức tiêu hoá ở động vật. <p>Vận dụng và vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được hiểu biết về dinh dưỡng trong xây dựng chế độ ăn uống và các biện pháp dinh dưỡng phù hợp ở mỗi lứa tuổi và trạng thái cơ thể. 	1 NT 1		1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2	2 NT2- 5 hoặc TH1- 3	2 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2							

		<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vai trò của việc sử dụng thực phẩm sạch trong đời sống con người. - Thực hiện tìm hiểu được các bệnh về tiêu hoá ở người và các bệnh học đường liên quan đến dinh dưỡng và cách phòng tránh. - Vận dụng hiểu biết về hệ tiêu hoá để phòng các bệnh về tiêu hoá. 												
	Hô hấp và trao đổi khí ở động vật	<p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được vai trò của hô hấp ở động vật. - Tìm hiểu được các bệnh về đường hô hấp và vận dụng hiểu biết về hô hấp để phòng các bệnh về đường hô hấp. - Trình bày được các hình thức trao đổi khí và giải thích được một số trong thực tiễn. <p>Vận dụng và vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được tác hại của thuốc lá đối với sức khoẻ và ôn nhiễm không khí đối với hô hấp. - Trình bày ý nghĩa của việc xử phạt người hút thuốc lá nơi công cộng và cấm trẻ em dưới 16 tuổi hút thuốc lá. - Giải thích được vai trò của thể dục, thể thao đối với hô hấp - Vận dụng hiểu biết về hô hấp trao đổi khí để phòng các bệnh về đường hô hấp. - Giải thích được một số hiện tượng trong thực tiễn liên quan đến hô hấp (ví dụ: nuôi tôm, cá thường cần có máy sục khí oxygene, nuôi ếch chú ý giữ môi trường ẩm ướt,...) 		1 NT2- 5 hoặc TH1- 3		1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2						1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2		
	- Tuần hoàn ở động vật - Thực hành: một	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái quát hệ vận chuyển trong cơ thể động vật và nêu được một số dạng hệ vận chuyển ở các nhóm động vật khác nhau. 	1			2 NT1	1 NT2- 5 hoặc	1 NT6- 8 hoặc						

	<p>số thí nghiệm về tuần hoàn</p> <p>- Nêu được hoạt động tim mạch được điều hoà bằng cơ chế thần kinh và thể dịch.</p> <p>Hiểu:</p> <p>- Dựa vào hình ảnh, sơ đồ, phân biệt được các dạng hệ tuần hoàn ở động vật, mô tả được cấu tạo và hoạt động của hệ mạch và quá trình vận chuyển máu trong hệ mạch (huyết áp, vận tốc máu và sự trao đổi chất giữa máu và các tế bào).</p> <p>- Trình bày được cấu tạo và hoạt động của tim, sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của tim. Giải thích được khả năng tự phát nhịp gây nên tính tự động của tim.</p> <p>- Trình bày được vai trò của thể dục, thể thao đối với hệ tuần hoàn</p> <p>- Kể được các bệnh thường gặp về hệ tuần hoàn.</p> <p>Vận dụng và vận dụng cao:</p> <p>- Phân tích được tác hại của việc lạm dụng rượu, bia đối với sức khoẻ của con người đặc biệt là hệ tim mạch.</p> <p>- Đánh giá được ý nghĩa của việc sử phạt người sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông.</p> <p>- Trình bày được một số biện pháp phòng chống các bệnh tim mạch.</p> <p>- Qua thực hành đo được huyết áp ở người và nhận biết được trạng thái sức khoẻ từ kết quả đo.</p> <p>- Đếm được nhịp tim của người ở các trạng thái hoạt động khác nhau và giải thích kết quả.</p> <p>- Qua thực hành mổ tim ếch và tìm hiểu tính tự động của tim; tìm hiểu được vai trò của dây thần kinh giao cảm, đối giao cảm; tìm hiểu được tác động của adrenalin đến hoạt động của tim</p>							TH1-3	TH4-5 hoặc VD1, 2							
	<p>Miễn dịch ở người</p> <p>Nhận biết:</p>															1 NT

		<p>và động vật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các nguyên nhân bên trong và bên ngoài gây ra các bệnh ở động vật và người. - Phát biểu được khái niệm miễn dịch và mô tả được khái quát hệ miễn dịch ở người. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được vì sao nguy cơ mắc bệnh ở người rất lớn nhưng xác suất bị bệnh rất nhỏ. - Phân biệt được miễn dịch không đặc hiệu và miễn dịch đặc hiệu. - Trình bày được cơ chế mắc bệnh và cơ chế chống bệnh ở động vật. - Phân tích được vai trò của việc chủ động tiêm phòng vaccine. - Giải thích được cơ sở của hiện tượng dị ứng với chất kích thích, thức ăn; cơ sở khoa học của thử phản ứng khi tiêm kháng sinh. <p>Vận dụng và vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quá trình phá vỡ chức năng của hệ miễn dịch trong cơ thể người bệnh (bệnh tự miễn, ung thư và hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải). - Điều tra được tiêm phòng bệnh, dịch bệnh trong trường học hoặc tại địa phương. 												
	<p>Bài tiết và cân bằng nội môi</p>	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được khái niệm bài tiết và trình bày vai trò của bài tiết. - Nêu được khái niệm: nội môi, cân bằng nội môi và giải thích được cơ chế chung điều hoà nội môi. - Kể tên được một số cơ quan tham gia điều hoà cân bằng nội môi và một số hằng số nội môi cơ thể. <p>Hiểu:</p>	<p>1 NT 1</p>			<p>1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2</p>					<p>1 NT1</p>			

			- Trình bày được vai trò của thận trong bài tiết và cân bằng nội môi. Vận dụng và vận dụng cao: - Trình bày được các biện pháp bảo vệ thận và các biện pháp phòng tránh một số bệnh liên quan đến thận và bài tiết như suy thận, sỏi thận,... - Nêu được tầm quan trọng của việc xét nghiệm định kỳ các chỉ số sinh hoá liên quan đến cân bằng nội môi và giải thích được kết quả xét nghiệm.											
2	Chương II: Cảm ứng ở sinh vật	Khái quát về cảm ứng ở sinh vật	Nhận biết: - Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. Thông hiểu: - Trình bày được vai trò và cơ chế cảm ứng ở sinh vật.	1 NT 1										
		Cảm ứng ở thực vật	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm, đặc điểm và cơ chế cảm ứng ở thực vật - Nêu được một số hình thức biểu hiện của cảm ứng ở thực vật: Hướng động và ứng động. Thông hiểu: - Phân tích được vai trò của cảm ứng đối với thực vật. Vận dụng và vận dụng cao: - Giải thích được 1 số hiện tượng thực tiễn dựa trên hiểu biết về cảm ứng ở thực vật				1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2		1 NT2- 5 hoặc TH1- 3	2 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2	1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2			
Tổng số câu (lệnh hỏi)				10	2		6	2	6	6	2	4		2
				18			16			6				
Tổng số điểm				4,5			4,0			1,5				
Tỉ lệ % điểm				45 %			40 %			15 %				

Phụ lục 2: BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA KHẢO SÁT LẦN 2 SINH HỌC 11 – NĂM HỌC 2025-2026

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ											
				Nhiều lựa chọn				“Đúng - Sai”				Trả lời ngắn			
				Biết	Hiểu	Vận dụng	VDC	Biết	Hiểu	Vận dụng	VDC	Biết	Hiểu	Vận dụng	VDC
1	Chương 2. Cảm ứng ở sinh vật	Cảm ứng ở động vật	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào thần kinh. Nêu được khái niệm phản xạ. Nêu được các dạng thụ thể cảm giác và vai trò của chúng. Nêu được vai trò của các cảm giác vị giác, xúc giác và khứu giác. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được các hình thức cảm ứng ở các nhóm động vật khác nhau. Phân biệt được hệ thần kinh ống với các dạng hệ thần kinh mạng lưới và chuỗi hạch. Mô tả được cấu tạo của synapse và quá trình truyền tin qua synapse. Phân tích được một cung phản xạ, phân tích được đáp ứng của cơ xương trong cung phản xạ. Phân tích được cơ chế thu nhận và phản ứng kích thích của cơ quan cảm giác (tai, mắt). Phân biệt được phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện. Lấy được các ví dụ minh họa. Trình bày được đặc điểm, các điều kiện và cơ chế hình thành phản xạ có điều kiện. Lấy được các ví dụ minh họa. Nêu được một số bệnh do tổn thương hệ thần kinh như mất khả năng vận động, mất khả năng cảm giác,.. <p>Vận dụng và vận dụng cao:</p>	1 NT 1			1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2		1 NT2 -5 hoặc TH1 -3	2 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2	1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2	1 NT 1			1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2

			<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được cơ chế giảm đau khi uống hoặc tiêm thuốc giảm đau. - Đề xuất được các biện pháp bảo vệ hệ thần kinh: không lạm dụng chất kích thích, phòng chống nghiện và cai nghiện chất kích thích. 												
		Tập tính ở động vật	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm tập tính. - Nêu được một số hình thức học tập ở động vật. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được vai trò của tập tính đối với động vật. Lấy được một số ví dụ minh họa các dạng tập tính ở động vật. - Phân biệt được tập tính bẩm sinh và tập tính học được. Lấy được ví dụ minh họa. - Giải thích được cơ chế học tập ở người. <p>Vận dụng và vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lấy được ví dụ chứng minh pheromone là tín hiệu hoá học giao tiếp của các cá thể cùng loài. - Trình bày được một số ứng dụng của tập tính vào thực tiễn đời sống: Dạy động vật làm xiếc; dạy trẻ em học tập; ứng dụng trong chăn nuôi; bảo vệ mùa màng; ứng dụng pheromone trong thực tiễn. 	2 NT 1			1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2	1 NT2 -5 hoặc TH1 -3	2 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2	1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2		1 NT2- 5 hoặc TH1- 3			
2	Chương 3. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở sinh vật	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm và trình bày được các dấu hiệu đặc trưng của sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. - Nêu được khái niệm vòng đời và tuổi thọ của sinh vật. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. <p>Vận dụng và vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số ứng dụng hiểu biết về vòng đời của sinh vật trong thực tiễn và một số yếu tố ảnh hưởng đến tuổi thọ của con người. 	2 NT 1											

		<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đặc điểm sinh trưởng và phát triển ở thực vật. - Nêu được khái niệm, vai trò của mô phân sinh. - Nêu được khái niệm và vai trò của hormone thực vật. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò của mô phân sinh đối với sinh trưởng ở thực vật. - Phân biệt các loại mô phân sinh. - Phân tích được ảnh hưởng của nước, ánh sáng, nhiệt độ, chất khoáng đến sinh trưởng và phát triển ở thực vật. - Trình bày được quá trình sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp ở thực vật. - Phân biệt được các loại hormone kích thích sinh trưởng và hormone ức chế sinh trưởng. - Trình bày được sự tương quan các hormone thực vật và một số ứng dụng của chúng trong thực tiễn. - Trình bày được quá trình phát triển ở thực vật có hoa và các nhân tố chi phối quá trình phát triển ở thực vật có hoa. <p>Vận dụng và vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được hiểu biết về sinh trưởng và phát triển ở thực vật để giải thích một số ứng dụng trong thực tiễn. 	2 NT 1		1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2	1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2					1 NT 1			1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2	
		<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đặc điểm sinh trưởng và phát triển ở động vật. - Nêu được ảnh hưởng của các yếu tố bên trong và bên ngoài đến sinh trưởng và phát triển của động vật. - Nêu được vai trò của một số hormone đối với hoạt động sống của động vật. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các giai đoạn chính trong quá trình sinh trưởng và phát triển ở động vật. 	2 NT 1		1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2	2 NT 1	1 NT2 -5 hoặc TH1 -3	1 NT6- 8 hoặc TH4- 5 hoặc VD1, 2			1 NT 1				

		<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được phát triển không qua biến thái và phát triển qua biến thái. - Phân tích được ý nghĩa của phát triển qua biến thái hoàn toàn ở động vật đối với đời sống của chúng. - Trình bày được các giai đoạn phát triển của con người từ hợp tử đến cơ thể trưởng thành. - Phân tích được khả năng điều khiển sinh trưởng và phát triển ở động vật. <p>Vận dụng và vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được hiểu biết về các giai đoạn phát triển để áp dụng chế độ ăn uống hợp lí. - Vận dụng hiểu biết về hormone để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn. - Vận dụng hiểu biết về sinh trưởng và phát triển ở động vật vào thực tiễn. - Phân tích đặc điểm tuổi dậy thì và ứng dụng hiểu biết về tuổi dậy thì trong bảo vệ sức khỏe, chăm sóc bản thân và người khác. 														
3	Chương 4. Sinh sản ở sinh vật	<p>Khái quát về sinh sản ở sinh vật</p> <p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được khái niệm sinh sản, sinh sản vô tính, sinh sản hữu tính và nêu được các dấu hiệu đặc trưng của sinh sản ở sinh vật. <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò của sinh sản đối với sinh vật và phân biệt được các hình thức sinh sản ở sinh vật. 	2 NT 1													
	Sinh sản ở thực vật	<p>Biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh sản ở thực vật - Thực hành: Nhân giống vô tính và thụ phấn cho <p>Hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu cấu tạo chung của hoa, diễn biến của các quá trình hình thành hạt phấn, túi phôi, thụ phấn, thụ tinh, hình thành hạt, quả. 	1 NT2 -5 hoặc TH1 -3	1 NT6- 8 hoặc TH4- 5			3 NT2 -5 hoặc TH1 -3	1 NT6- 8 hoặc TH4- 5								

	cây	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật có hoa: Cấu tạo chung của hoa, diễn biến của các quá trình hình thành hạt phấn, túi phôi, thụ phấn, thụ tinh, hình thành hạt, quả. - Trình bày được hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật và nhận biết được sinh sản bằng bào tử ở một số thực vật. - Trình bày được các phương pháp nhân giống vô tính ở thực vật. - So sánh được sinh sản hữu tính với sinh sản vô tính ở thực vật. <p>Vận dụng và vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được ứng dụng của sinh sản vô tính ở thực vật trong thực tiễn. - Thông qua thực hành trình bày được quy trình nhân giống cây bằng sinh sản sinh dưỡng và quy trình thụ phấn cho cây. 			hoặc VD1, 2				hoặc VD1, 2					
Tổng số câu (lệnh hỏi)			11	1	2	4	2	6	6	2	3	1		2
			18				16				6			
Tổng số điểm			4,5				4,0				1,5			
Tỉ lệ % điểm			45				40				15			